

Số: *05* /NQ-HĐND

*Hà Quảng, ngày 20 tháng 4 năm 2022*

**NGHỊ QUYẾT**

**Phê duyệt dự toán quy định một số chế độ, định mức  
chi đảm bảo cho hoạt động của Hội đồng nhân dân huyện năm 2022**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN HÀ QUẢNG KHÓA XXI,  
KỲ HỌP THỨ 06 (CHUYÊN ĐỀ)**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Nghị quyết số 91/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về Ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương năm 2022, thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;*

*Căn cứ Nghị quyết số 95/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về Ban hành quy định định mức dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022, thời kỳ ổn định ngân sách 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;*

*Căn cứ Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về Quyết định dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương, phương án phân bổ dự toán ngân sách năm 2022;*

*Căn cứ Nghị quyết số 100/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành quy định một số chế độ, định mức chi đảm bảo cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Cao Bằng nhiệm kỳ 2021-2026;*

*Căn cứ Quyết định số 2516/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc giao dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2022;*

*Căn cứ Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân huyện Hà Quảng về Quyết định dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương, phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2022;*



Căn cứ Quyết định số 3986/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Hà Quảng về việc giao dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2022.

Xét Tờ trình số 58/TTr-VP ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện Hà Quảng đề nghị phê duyệt dự toán quy định một số chế độ, định mức chi đảm bảo cho hoạt động của Hội đồng nhân dân huyện năm 2022; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện; ý kiến thảo luận của các Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Nhất trí thông qua dự toán quy định một số chế độ, định mức chi đảm bảo cho hoạt động của Hội đồng nhân dân huyện năm 2022, cụ thể như sau:

Tổng số: 687.140.000 đồng, trong đó:

- Chi cho hoạt động phục vụ kỳ họp, cuộc họp: 386.340.000 đồng.
- Chi hoạt động giám sát, khảo sát: 50.800.000 đồng.
- Chi hỗ trợ tiếp xúc cử tri: 8.400.000 đồng.
- Chế độ công tác phí, hội nghị: 57.600.000 đồng.
- Các điều kiện đảm bảo hoạt động Đại biểu của HĐND, Văn phòng phục vụ hoạt động của HĐND: 64.000.000 đồng.
- Các chế độ khác phục vụ hoạt động của HĐND: 120.000.000 đồng.

(có biểu dự toán chi tiết kèm theo).

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân huyện giao cho Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và các Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện khóa XXI, nhiệm kỳ 2021 - 2026 có trách nhiệm giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân huyện Hà Quảng khoá XXI, kỳ họp thứ 06 (chuyên đề) thông qua ngày 20 tháng 4 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày thông qua. /.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND, VP UBND tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy, HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Ủy ban MTTQVN huyện;
- Các Đại biểu HĐND huyện khóa XXI;
- Phòng TC-KH;
- Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- CPVP, CV, KT;
- Lưu: VT.



**Hoàng Văn Bảo**



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
HUYỆN HÀ QUẢNG

DỰ TOÁN QUY ĐỊNH MỘT SỐ CHẾ ĐỘ, ĐỊNH MỨC CHI ĐẢM BẢO HOẠT ĐỘNG CỦA HĐND HUYỆN NĂM 2022

(kèm theo Nghị Quyết số: 05 /NQ-HĐND ngày 20/4/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Hà Quảng)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Định mức chi	Thành tiền	Số ngày (Buổi)	Số lần (kỳ họp)	Tổng cộng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
<b>I</b>	<b>CHI HOẠT ĐỘNG PHỤC VỤ KỲ HỌP, CUỘC HỌP</b>								
1	Kỳ họp Hội đồng nhân dân							350.940.000	
1.1	Chi cho cá nhân tham gia cuộc họp thẩm tra							1.840.000	
-	Chi trị cuộc họp	Đồng/người/ buổi	1	100.000	100.000		2	200.000	
-	Thành viên dự họp	Đồng/người/ buổi	10	70.000	700.000		2	1.400.000	
-	Người phục vụ họp thẩm tra	Đồng/người/ buổi	2	60.000	120.000		2	240.000	
1.2	Chi nghiên cứu các tài liệu trước khi thẩm tra							2.900.000	
-	Thành viên các ban	Đồng/kỳ họp	10	100.000	1.000.000		2	2.000.000	
-	Thành viên các ban chuyên trách	Đồng/văn bản	3	150.000	450.000		2	900.000	
1.3	Chi xây dựng báo cáo, tờ trình, dự thảo, nghị quyết và các văn bản trình kỳ họp							6.600.000	
-	Soạn thảo các văn bản khai mạc kỳ họp, bế mạc kỳ họp, Báo cáo rút kinh nghiệm kỳ họp	Đồng/văn bản	6	200.000	1.200.000		2	2.400.000	
-	Xây dựng các báo cáo của Thường trực HĐND, các Ban HĐND trình kỳ họp theo quy định của pháp luật	Đồng/văn bản	6	350.000	2.100.000		2	4.200.000	
1.4	Chi bồi dưỡng các ngày diễn ra kỳ họp							27.600.000	
-	Chi tọa điều hành cuộc họp	Đồng/người/ngày	2	300.000	600.000	2	2	2.400.000	
-	Thu kỳ kỳ họp	Đồng/người/ngày	2	150.000	300.000	2	2	1.200.000	
-	Đại biểu HĐND	Đồng/người/ngày	32	150.000	4.800.000	2	2	19.200.000	



STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Định mức chi	Thành tiền	Số ngày (Buổi)	Số lần (kỳ họp)	Tổng cộng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
-	Can bộ, công chức, người lao động trực tiếp phục vụ kỳ họp	Đồng/người/ngày	12	100.000	1.200.000	2	2	4.800.000	
1.5	Chi tiền ăn (bao gồm cả đồ uống), giải khát giữa buổi cho Đại biểu Hội đồng nhân dân và thành phần tham dự kỳ họp			340.000	51.000.000	4	4	204.000.000	
-	Chi tiền ăn (bao gồm cả đồ uống) cho Đại biểu Hội đồng nhân dân và thành phần tham dự kỳ họp	Đồng/người/ngày	150	300.000	45.000.000	2	2	180.000.000	
-	Chi tiền giải khát giữa buổi cho Đại biểu Hội đồng nhân dân và thành phần tham dự kỳ họp	Đồng/người/ngày	150	40.000	6.000.000	2	2	24.000.000	
1.6	Chế độ thêm giờ							100.000.000	
1.7	Chi hỗ trợ tuyên truyền							8.000.000	
-	Đôi với kỳ họp thường kỳ	Đồng/kỳ họp	1	3.000.000	3.000.000		2	6.000.000	
-	Đôi với kỳ họp chuyên đề	Đồng/kỳ họp	1	1.000.000	1.000.000		2	2.000.000	
2	Phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân; các Ban của Hội đồng nhân dân; họp lấy ý kiến đóng góp vào dự thảo Luật, pháp lệnh; tham vấn ý kiến nhân dân							35.400.000	
2.1	Chi bồi dưỡng phiên họp Thường trực HĐND và các Ban của HĐND							30.200.000	
-	Chi trị phiên họp	Đồng/người/buổi	1	100.000	100.000		20	2.000.000	
-	Thành viên dự họp	Đồng/người/buổi	15	70.000	1.050.000		20	21.000.000	
-	Nhân viên phục vụ	Đồng/người/buổi	1	60.000	60.000		20	1.200.000	
-	Chế độ chè nước, giải khát	Đồng/người/buổi	15	20.000	300.000		20	6.000.000	
2.2	Chi xây dựng các văn bản của Thường trực HĐND và các Ban của HĐND							5.200.000	
-	Chi hỗ trợ xây dựng thông báo kết luận của Thường trực HĐND huyện về nội dung cuộc họp	Đồng/văn bản	1	100.000	100.000		20	2.000.000	
-	Chi hỗ trợ soạn thảo báo cáo thẩm tra của các ban HĐND để tham mưu, đề xuất giải quyết nội dung UBND trình phát sinh giữa hai kỳ họp HĐND	Đồng/văn bản	1	200.000	200.000		8	1.600.000	
-	Chi hỗ trợ xây dựng văn bản của Thường trực HĐND giải quyết nội dung UBND trình phát sinh giữa hai kỳ họp HĐND tỉnh.	Đồng/văn bản	1	200.000	200.000		8	1.600.000	



STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Định mức chi	Thành tiền	Số ngày (Buổi)	Số lần (kỳ hợp)	Tổng cộng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
<b>II</b>	<b>CHI HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT, KHẢO SÁT</b>							<b>50.800.000</b>	
1	Mức chi xây dựng văn bản phục vụ giám sát, khảo sát							8.400.000	
-	Chi xây dựng quyết định thành lập đoàn giám sát, khảo sát, xây dựng kế hoạch và đề cương giám sát, khảo sát	Đồng/văn bản	1	350.000	350.000	1	8	2.800.000	
-	Chi xây dựng báo cáo kết quả giám sát chung của đoàn giám sát, báo cáo kết quả khảo chung của đoàn khảo sát	Đồng/văn bản	1	350.000	700.000	1	8	5.600.000	
2	Chi cho đoàn giám sát, khóa sát và các cuộc họp giám sát, khảo sát							42.400.000	
-	Trưởng đoàn	Đồng/người/buổi	1	140.000	140.000	40		5.600.000	
-	Thành viên đoàn giám sát, đại biểu mời	Đồng/người/buổi	8	100.000	800.000	40		32.000.000	
-	Nhân viên phục vụ	Đồng/người/buổi	2	60.000	120.000	40		4.800.000	
<b>III</b>	<b>CHI HỖ TRỢ TIẾP XÚC CỬ TRI</b>							<b>8.400.000</b>	
1	Chi xây dựng văn bản phục vụ tiếp xúc cử tri							2.800.000	
-	Chi soạn thảo kế hoạch tiếp xúc cử tri của đại biểu HĐND và đề cương kèm theo (nếu có)	Đồng/kế hoạch	4	350.000	1.400.000			1.400.000	
-	Chi xây dựng Báo cáo tổng hợp ý kiến kiến nghị của cử tri của HĐND các cấp	Đồng/báo cáo	4	350.000	1.400.000			1.400.000	
2	Chi hỗ trợ tiếp xúc cử tri của Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp							5.600.000	
-	Hỗ trợ tiếp xúc cử tri chuyên đề của đại biểu HĐND (đại biểu HĐND hoạt động chuyên trách)	Đồng/đại biểu/năm	4	1.400.000	5.600.000	1	1	5.600.000	
<b>IV</b>	<b>CHẾ ĐỘ CÔNG TÁC PHÍ, HỘI NGHỊ</b>							<b>57.600.000</b>	
1	Chi tiền ăn, nghỉ tại hội nghị và khi đi công tác							57.600.000	
1.1	Định mức chi tiền ăn tại các hội nghị							36.000.000	
-	Hợp giao ban huyện với xã	Đồng/người/ngày	45	300.000	13.500.000		2	27.000.000	
-	Hợp thăm tra	Đồng/người/ngày	15	300.000	4.500.000		2	9.000.000	
1.2	Chi hỗ trợ xây dựng báo cáo đề dẫn, tham luận tại hội nghị	Đồng/văn bản	4	350.000	1.400.000		4	5.600.000	
1.3	Chi hỗ trợ khánh tiết							16.000.000	
<b>V</b>	<b>CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI BIỂU HĐND; VĂN PHÒNG PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐND</b>							<b>64.000.000</b>	





STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Định mức chi	Thành tiền	Số ngày (Buổi)	Số lần (kỳ hợp)	Tổng cộng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
-	Chế độ khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ hàng năm	Lần/năm	32	2.000.000	64.000.000		1	64.000.000	
VI	<b>CÁC CHẾ ĐỘ KHÁC PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐND</b>							<b>120.000.000</b>	
1	Chi thăm hỏi, trợ cấp ốm đau, tang lễ							50.000.000	
2	Chi tặng quà đối với các đối tượng chính sách xã hội							50.000.000	
-	Đối với tập thể	Đồng/đơn vị						30.000.000	
-	Đối với cá nhân	Đồng/Người/Lần						20.000.000	
3	Chế độ tặng quà lưu niệm	Đồng/người						20.000.000	
	<b>Tổng cộng</b>							<b>687.140.000</b>	